

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THUẬN THẢO**

Số: 420./2013/GT – GTT

*“V/v Giải trình chênh lệch giữa
BCTC đã được soát xét và BCTC
Quý 2 năm 2013”*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Tuy Hòa, ngày 14 tháng 8 năm 2013



**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

Công ty Cổ phần Thuận Thảo xin chân thành cảm ơn Quý Ủy ban và Quý Sở đã hỗ trợ, giúp đỡ chúng tôi trong thời gian qua.

Ngày 20 tháng 7 năm 2013, Công ty Cổ phần Thuận Thảo (Mã CK: GTT) đã công bố Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2013.

Công ty Cổ phần Thuận Thảo xin giải trình số liệu chênh lệch giữa BCTC Quý 2 năm 2013 so với BCTC giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2013 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán FAC như sau:

1. Bảng tổng hợp chênh lệch:

NỘI DUNG	Mã số	Số liệu Công ty	Số liệu kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
A. TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	555.487.074.388	533.433.612.141	(22.053.462.247)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	122.457.823.611	120.515.732.790	(1.942.090.821)
1. Phải thu khách hàng	131	34.371.970.825	38.281.061.734	3.909.090.909
5. Các khoản phải thu khác	135	57.513.049.809	51.661.868.079	(5.851.181.730)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	26.550.629.489	6.439.258.063	(20.111.371.426)
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	26.011.816.224	5.900.444.798	(20.111.371.426)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	1.028.480.991.269	1.027.865.903.445	(615.087.824)
II. Tài sản cố định	220	926.981.798.651	928.193.945.422	1.212.146.771
1. Tài sản cố định hữu hình	221	924.405.028.397	925.617.175.168	1.212.146.771
Nguyên giá	222	1.068.131.342.243	1.069.430.890.425	1.299.548.182
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(143.726.313.846)	(143.813.715.257)	(87.401.411)
V. Tài sản dài hạn khác	260	101.499.192.618	99.671.958.023	(1.827.234.595)
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	101.061.192.618	99.233.958.023	(1.827.234.595)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.583.968.065.657	1.561.299.515.586	(22.668.550.071)



03 - Hải Dương - TP. Tuy Hòa - Tỉnh Phú Yên * ĐT: +84 (57) 3 824 229 * Fax: +84 (57) 3 823 466

Email: info@thuanthao.vn * Website: www.thuanthao.com.vn

NỘI DUNG	Mã số	Số liệu Công ty	Số liệu kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
B. NGUON VON				
A. NỢ PHAI TRA	300	1.132.491.647.794	1.111.739.362.988	(20.752.284.806)
I. Nợ ngắn hạn	310	397.764.466.258	585.091.663.452	187.327.197.194
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	124.386.201.144	292.346.201.144	167.960.000.000
4. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	314	56.001.395.368	59.752.985.265	3.751.589.897
6. Chi phí phải trả	316	180.684.987.390	206.047.219.441	25.362.232.051
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14.298.747.124	4.459.263.148	(9.839.483.976)
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	671.588.731	764.447.953	92.859.222
II. Nợ dài hạn	330	734.727.181.536	526.647.699.536	(208.079.482.000)
1. Phải trả dài hạn khác	333	15.189.511.708	25.070.029.708	9.880.518.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	719.537.669.828	501.577.669.828	(217.960.000.000)
B. NGUON VON CHU SƠ HUU	400	451.476.417.863	449.560.152.598	(1.916.265.265)
I. Vốn chủ sở hữu	410	451.476.417.863	449.560.152.598	(1.916.265.265)
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	9.022.107.363	9.138.181.391	116.074.028
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	2.506.140.934	2.564.177.948	58.037.014
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	4.918.169.566	2.827.793.259	(2.090.376.307)
TONG CỘNG NGUON VON	440	1.583.968.065.657	1.561.299.515.586	(22.668.550.071)
II. BAO CAO KET QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
4. Giá vốn hàng bán	11	124.536.624.329	143.881.478.231	19.344.853.902
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	30.240.474.575	10.895.620.673	(19.344.853.902)
7. Chi phí tài chính	22	27.874.041.409	53.236.273.460	25.362.232.051
8. Chi phí bán hàng	24	15.189.060.569	18.442.245.974	3.253.185.405
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	14.581.491.268	19.059.093.193	4.477.601.925
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	1.403.556.331	(51.034.316.952)	(52.437.873.283)
11. Thu nhập khác	31	4.663.200.526	54.663.200.526	50.000.000.000
13. Lợi nhuận khác	40	1.532.590.606	51.532.590.606	50.000.000.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	2.936.146.937	498.273.654	(2.437.873.283)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	739.035.654	124.568.414	(614.467.240)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	2.197.111.283	373.705.240	(1.823.406.043)
III. BAO CAO LUU CHUYEN TIEN TỆ				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>2.958.592.757</i>	<i>498.273.654</i>	<i>(2.460.319.103)</i>
- Khấu hao tài sản cố định	02	11.870.520.849	18.989.047.074	7.118.526.225
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.920.383.818)	(28.886.853.670)	(26.966.469.852)
- Chi phí lãi vay	06	12.831.288.955	53.236.273.460	40.404.984.505
<i>Lợi nhuận từ HBKD trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>25.740.018.743</i>	<i>43.836.740.518</i>	<i>18.096.721.775</i>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(18.630.280.192)	(750.549.585)	17.879.730.607
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	847.679.538	(36.452.524.190)	(37.300.203.728)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(23.549.835.041)	1.230.806.477	24.780.641.518
- Tiền lãi vay đã trả	13	1.845.507.103	(13.197.245.351)	(15.042.752.454)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	10.011.829.313	5.902.864.240	(4.108.965.073)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(10.146.451.518)	(10.702.300.518)	(555.849.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>(14.570.662.446)</i>	<i>(10.821.338.801)</i>	<i>3.749.323.645</i>
- Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(4.542.031.906)	(3.454.790.316)	1.087.241.590
<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(1.766.577.361)</i>	<i>(671.660.769)</i>	<i>1.094.916.592</i>
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	32	209.229.063.705	209.229.820.012	756.307
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(154.707.447.497)	(154.708.203.801)	(756.304)
- Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(39.542.598.514)	(44.386.838.754)	(4.844.240.240)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>14.979.017.694</i>	<i>10.134.777.457</i>	<i>(4.844.240.237)</i>

CÔNG
 CỔ
 PHẦN
 THUAN
 HAO
 TÀI CHÍNH



03 - Hải Dương - TP. Tuy Hòa - Tỉnh Phú Yên * DT: +84 (57) 3 824 229 * Fax: +84 (57) 3 823 466

Email: info@thuanthao.vn * Website: www.thuanthao.com.vn

2. Nguyên nhân chênh lệch:

2.1 Phải thu khách hàng tăng 3.909.090.909 đồng do bổ sung thuế GTGT đầu ra hóa đơn dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản cho Công ty Cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn;

2.2 Các khoản phải thu khác giảm 5.851.181.730 đồng do:

2.2.1 Giảm phải thu về chi phí đồ dùng dụng cụ tại khách sạn số tiền 4.675.800.684 đồng, chuyển sang tăng chi phí trả trước dài hạn;

2.2.2 Giảm khoản thu tiền đền bù giải tỏa 340.964.390 đồng do được khấu trừ vào tiền thuê đất phải nộp theo thông báo của Cục Thuế tỉnh Phú Yên;

2.2.3 Giảm phải thu chi phí thực hiện hợp đồng tái cấu trúc hoạt động kinh doanh của của Công ty số tiền 875.450.680 đồng, sang tăng chi phí trả trước dài hạn;

2.2.4 Tăng khoản phải thu khác đã bị bù trừ với các khoản phải trả khác khi lập bảng cân đối kế toán số tiền 41.034.024 đồng.

2.3 Chi phí trả trước ngắn hạn giảm 20.111.371.426 đồng do:

2.3.1 Giảm chi phí treo lại về tiền lương, nhiên liệu: 20.510.336.735 đồng, chuyển sang tăng giá vốn hàng bán 16.098.751.902 đồng, tăng chi phí bán hàng 332.948.217 đồng và tăng chi phí quản lý doanh nghiệp 4.078.636.616 đồng;

2.3.2 Tăng chi phí tiền thuê đất 6 tháng đầu năm 2013 số tiền 398.965.309 đồng làm cho chi phí quản lý doanh nghiệp tăng lên tương ứng;

2.4 Tài sản cố định hữu hình tăng 1.212.146.771 đồng do phân loại lại làm giảm chi phí trả trước dài hạn số tiền tương ứng.

2.5 Chi phí trả trước dài hạn giảm 1.827.234.595 đồng do:

2.5.1 Tăng chi phí trả trước dài hạn do các nguyên nhân như trình bày tại các điểm 2.2.1, 2.2.3 và 2.4 tổng số tiền 4.339.104.593 đồng;

2.5.2 Giảm chi phí trả trước dài hạn do phân bổ chi phí lợi thế thương mại số tiền 6.166.339.188 đồng và ghi tăng chi phí bán hàng số tiền tương ứng.

2.6 Vay và nợ ngắn hạn tăng 167.960.000.000 đồng do ghi nhận số nợ vay dài hạn đến hạn trả.

2.7 Thuế và các khoản phải nộp tăng 3.751.589.897 đồng do:

2.7.1 Tăng thuế GTGT phải nộp như trình bày tại điểm 2.1 số tiền 3.909.090.909 đồng;

2.7.2 Tăng tiền thuê đất năm 2013 còn phải nộp số tiền 456.966.228 đồng;

2.7.3 Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp số tiền 614.467.240 đồng.

2.8 Chi phí phải trả tăng 25.362.232.051 đồng do trích bổ sung lãi vay ngân hàng làm cho chi phí tài chính tăng lên tương ứng.

123
NG T
PH
NTH
A-T



- 2.9 Các khoản phải trả và phải nộp khác ngắn hạn giảm 9.839.483.976 đồng do:
- 2.9.1 Phân loại lại các khoản nợ phải trả từ ngắn hạn sang dài hạn làm cho các khoản phải trả ngắn hạn khác giảm số tiền 9.880.518.000 đồng, đồng thời làm tăng các khoản phải trả dài hạn khác số tiền tương ứng;
 - 2.9.2 Tăng khoản phải trả khác đã bị bù trừ với các khoản phải thu khác khi lập bảng cân đối kế toán số tiền 41.034.024 đồng như trình bày tại điểm 2.2.4.
- 2.10 Quỹ khen thưởng và phúc lợi tăng 92.859.222 đồng do ghi nhận việc phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.
- 2.11 Phải trả dài hạn khác tăng 9.880.518.000 đồng như trình bày tại điểm 2.9.1.
- 2.12 Vay và nợ dài hạn giảm 217.960.000.000 đồng do:
- 2.12.1 Giảm do chuyển số nợ vay dài hạn đến hạn trả với số tiền 167.960.000.000 đồng như trình bày tại điểm 2.6;
 - 2.12.2 Giảm do ghi nhận số nợ được xóa với số tiền 50.000.000.000 đồng (ghi tăng thu nhập khác): Do thời điểm lập báo cáo tài chính quý 2 năm 2013 (đã được Công ty công bố ngày 20/07/2013), do Tổng Giám đốc đi công tác nước ngoài nên hồ sơ xóa nợ này chưa được chuyển cho Phòng kế toán, nên số liệu này chưa được cập nhật vào báo cáo tài chính quý 2 năm 2013. Sau khi thu thập được hồ sơ xóa nợ, Công ty ghi nhận khoản nợ được xóa này vào Báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2013 được soát xét.
- 2.13 Quỹ đầu tư phát triển tăng 116.074.028 đồng và quỹ dự phòng tài chính tăng 58.037.014 đồng là do ghi nhận việc phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.
- 2.14 Giá vốn hàng bán tăng 19.344.853.902 đồng do:
- 2.14.1 Tăng do ghi nhận bổ sung chi phí tiền lương nhân viên và nhiên liệu số tiền 16.098.751.902 đồng như trình bày tại điểm 2.3.1;
 - 2.14.2 Tăng giá vốn hàng bán 3.246.102.000 đồng và giảm chi phí bán hàng tương ứng do phân loại lại chi phí tiền lương tương ứng với tình hình sử dụng lao động.
- 2.15 Chi phí tài chính tăng 25.362.232.051 đồng như trình bày tại điểm 2.8.
- 2.16 Chi phí bán hàng tăng 3.253.185.405 đồng do:
- 2.16.1 Tăng do ghi nhận bổ sung chi phí tiền lương nhân viên số tiền 332.948.217 đồng như trình bày tại điểm 2.3.1;
 - 2.16.2 Giảm do phân loại lại chi phí tiền lương 3.246.102.000 như trình bày tại điểm 2.14.2;
 - 2.16.3 Tăng do phân bổ lợi thế thương mại số tiền 6.166.339.188 đồng như trình bày tại điểm 2.5.2.
- 2.17 Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 4.477.601.925 đồng do:

162
Y
N
L
P

- 2.17.1 Tăng do ghi nhận bổ sung chi phí tiền lương nhân viên số tiền 4.078.636.616 đồng như trình bày tại điểm 2.3.1;
- 2.17.2 Tăng do ghi nhận bổ sung tiền thuê đất 6 tháng đầu năm 2013 số tiền 398.965.309 đồng như trình bày tại điểm 2.3.2.
- 2.18 Thu nhập khác tăng 50.000.000.000 đồng do ghi nhận nợ vay được xóa như trình bày tại điểm 2.12.2.
- 2.19 Do ảnh hưởng của việc điều chỉnh tại các điểm 2.14, 2.15, 2.16, 2.17 và 2.18 trên đây, làm cho các chỉ tiêu: Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm 2.437.873.283 đồng, Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành giảm 614.467.240 đồng, Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm 1.823.406.043 đồng.
- 2.20 Do ảnh hưởng của việc điều chỉnh tại các điểm 2.10, 2.13 và 2.19 trên đây, làm cho Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm 2.090.376.307 đồng.
- 2.21 Từ những ảnh hưởng của việc điều chỉnh các điểm nêu trên đã làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ như: Lợi nhuận trước thuế, Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động, Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh, Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư cũng như lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính cũng thay đổi theo.

Trên đây là giải trình về chênh lệch của BCTC giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2013 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán FAC và BCTC Quý 2 năm 2013.

Trân trọng kính chào!



Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Ban Kiểm soát
- VP TGĐ
- Lưu Phòng KTTC